



DANH SÁCH
hộ nghèo và hộ chính sách xã hội đề nghị hỗ trợ tiền điện Quý III Năm 2026
(Quyết định số 548/QĐ-UBND ngày 15 /9/2026 của UBND xã Sơn Thủy)

Đơn vị tính: đồng

STT	Họ và tên	Nơi ở	Số người/hộ	Mức hỗ (1.000đ/ tháng)	Số tháng hỗ trợ	Số tiền hỗ trợ (1.000 đồng)	Trong đó		Ghi chú
		(thôn, ấp, bản)					Kỳ này	Kỳ trước	
A	B	1	2	3	4	5=3*4	6	7	8
1	Đinh Thị Ước	Gò Sim	1	64,000	3	192,000	192,000		
2	Đinh Thị Lỗi	Gò Sim	1	64,000	3	192,000	192,000		
3	Phạm Lại	Gò Sim	2	64,000	3	192,000	192,000		
4	Đinh Thị Dút	Gò Sim	1	64,000	3	192,000	192,000		
5	Đinh Văn Ngăn	Gò Sim	1	64,000	3	192,000	192,000		
6	Đinh Thị Đưa	Gò Sim	1	64,000	3	192,000	192,000		
7	Đinh Văn Nót	Gò Sim	2	64,000	3	192,000	192,000		
8	Đinh Thị Hèo	Gò Sim	4	64,000	3	192,000	192,000		
9	Đinh Thị Đú	Gò Sim	1	64,000	3	192,000	192,000		
10	Đinh Văn Mênh	Gò Sim	1	64,000	3	192,000	192,000		
11	Đinh Thị Suy	Gò Sim	2	64,000	3	192,000	192,000		
12	Đinh Thị Tiếp	Gò Sim	1	64,000	3	192,000	192,000		
13	Đinh Phôi	Gò Sim	2	64,000	3	192,000	192,000		
14	Đinh Thị Rùi	Gò Sim	1	64,000	3	192,000	192,000		
15	Đinh Văn Anh	Gò Sim	2	64,000	3	192,000	192,000		
16	Đinh Thị Thân	Gò Sim	1	64,000	3	192,000	192,000		
17	Đinh Văn Khô	Gò Sim	1	64,000	3	192,000	192,000		
18	Đinh Thị Ủa	Gò Sim	3	64,000	3	192,000	192,000		
19	Đinh Văn Đun	Gò Sim	2	64,000	3	192,000	192,000		
20	Đinh Thị Dỏ	Tà Bần	4	64,000	3	192,000	192,000		
21	Đinh Thị Và	Tà Bần	2	64,000	3	192,000	192,000		
22	Đinh Mà Rét	Tà Bần	2	64,000	3	192,000	192,000		

STT	Họ và tên	Nơi ở	Số người/hộ	Mức hỗ (1.000đ/ tháng)	Số tháng hỗ trợ	Số tiền hỗ trợ (1.000 đồng)	Trong đó		Ghi chú
		(thôn, ấp, bản)					Kỳ này	Kỳ trước	
23	Đinh Thị Sôi	Tà Bần	1	64,000	3	192,000	192,000		
24	Đinh Ka Địa	Tà Bần	2	64,000	3	192,000	192,000		
25	Đinh Thị Đoài	Tà Bần	2	64,000	3	192,000	192,000		
26	Đinh Thị Mào	Tà Bần	2	64,000	3	192,000	192,000		
27	Đinh Thị Bằng (Bằng)	Tà Bần	2	64,000	3	192,000	192,000		
28	Đinh Văn Tría	Tà Bần	4	64,000	3	192,000	192,000		
29	Đinh Thị Nái	Tà Bần	2	64,000	3	192,000	192,000		
30	Đinh Thị Nét	Tà Bần	1	64,000	3	192,000	192,000		
31	Đinh Thị Vέα	Tà Bần	1	64,000	3	192,000	192,000		
32	Đinh Ca Reo	Tà Bần	1	64,000	3	192,000	192,000		
33	Đinh Thị Lắc	Tà Bần	2	64,000	3	192,000	192,000		
34	Đinh Thị Tóp	Tà Bần	1	64,000	3	192,000	192,000		
35	Đinh Thị Xế	Tà Bần	2	64,000	3	192,000	192,000		
36	Đinh Thị Chóp	Tà Bần	2	64,000	3	192,000	192,000		
37	Trần Thị Xí	Tà Bần	1	64,000	3	192,000	192,000		
38	Đinh Văn Rẻ	Tà Bần	1	64,000	3	192,000	192,000		
39	Đinh Thị Đen	Làng Lành	1	64,000	3	192,000	192,000		
40	Đinh Thị Nga	Làng Lành	1	64,000	3	192,000	192,000		
41	Đinh Thị K Lối	Làng Lành	1	64,000	3	192,000	192,000		
42	Đinh Thị Me	Làng Lành	1	64,000	3	192,000	192,000		
43	Đinh Văn Đin	Làng Lành	2	64,000	3	192,000	192,000		
44	Đinh Thị Đâng	Làng Lành	1	64,000	3	192,000	192,000		
45	Đinh Thị Bum	Làng Lành	1	64,000	3	192,000	192,000		
46	Đinh Thị Tria	Làng Lành	1	64,000	3	192,000	192,000		
47	Đinh Thị Ngôi (Ếo)	Làng Lành	2	64,000	3	192,000	192,000		
48	Đinh Thị Dố	Làng Lành	2	64,000	3	192,000	192,000		
49	Đinh Thị Cú	Làng Lành	1	64,000	3	192,000	192,000		
50	Đinh Thị Neo	Làng Lành	2	64,000	3	192,000	192,000		
51	Đinh Thị Nuốt	Làng Lành	1	64,000	3	192,000	192,000		

STT	Họ và tên	Nơi ở	Số người/hộ	Mức hỗ (1.000đ/ tháng)	Số tháng hỗ trợ	Số tiền hỗ trợ (1.000 đồng)	Trong đó		Ghi chú
		(thôn, ấp, bản)					Kỳ này	Kỳ trước	
52	Đinh Thị Nòa	Làng Lành	1	64,000	3	192,000	192,000		
53	Đinh Thị Lem	Làng Lành	1	64,000	3	192,000	192,000		
54	Đinh Thị Nuôn	Làng Lành	1	64,000	3	192,000	192,000		
55	Lê Thị Châu	Làng Lành	1	64,000	3	192,000	192,000		
56	Đinh Văn Bảy	Giá Gối	8	64,000	3	192,000	192,000		
57	Đinh Thị Pà Lầy (Đinh Thị Lầy)	Giá Gối	1	64,000	3	192,000	192,000		
58	Đinh Thị Ngã	Giá Gối	2	64,000	3	192,000	192,000		
59	Đinh Văn Cưa	Giá Gối	6	64,000	3	192,000	192,000		
60	Đinh Văn Hoàng	Giá Gối	3	64,000	3	192,000	192,000		
61	Đinh Văn Hoát	Giá Gối	4	64,000	3	192,000	192,000		
62	Đinh Văn Dênh	Giá Gối	3	64,000	3	192,000	192,000		
63	Đinh Hà Bông	Giá Gối	4	64,000	3	192,000	192,000		
64	Đinh Thị Dề	Giá Gối	1	64,000	3	192,000	192,000		
65	Đinh Thị Nây	Làng Rào	2	64,000	3	192,000	192,000		
66	Trần Thị Nhị	Làng Rào	4	64,000	3	192,000	192,000		
67	Đinh Thị Lâu	Làng Rào	1	64,000	3	192,000	192,000		
68	Đinh Thị Rét	Làng Rào	1	64,000	3	192,000	192,000		
69	Đinh Thị Bé	Làng Rào	1	64,000	3	192,000	192,000		
70	Đinh Văn Phường	Làng Rào	8	64,000	3	192,000	192,000		
71	Đinh Văn Vạch	Làng Rào	2	64,000	3	192,000	192,000		
72	Đinh Thị Tắt	Làng Rào	2	64,000	3	192,000	192,000		
73	Đinh Lâm Xi	Làng Rào	2	64,000	3	192,000	192,000		
74	Đinh Văn Lu	Làng Rào	4	64,000	3	192,000	192,000		
75	Đinh Thị Neo	Làng Rào	2	64,000	3	192,000	192,000		
76	Đinh Thị Xoa	Làng Rào	5	64,000	3	192,000	192,000		
77	Đinh Thị Săn	Tà Cơm	2	64,000	3	192,000	192,000		
78	Đinh Thị Lúp	Tà Cơm	1	64,000	3	192,000	192,000		
79	Đinh Thị Rỏ	Tà Cơm	1	64,000	3	192,000	192,000		
80	Đinh Thị Mo	Tà Cơm	3	64,000	3	192,000	192,000		

STT	Họ và tên	Nơi ở	Số người/hộ	Mức hỗ (1.000đ/ tháng)	Số tháng hỗ trợ	Số tiền hỗ trợ (1.000 đồng)	Trong đó		Ghi chú
		(thôn, ấp, bản)					Kỳ này	Kỳ trước	
81	Phạm Văn Them	Tà Com	3	64,000	3	192,000	192,000		
82	Tạ Thị Lựu	Tà Com	2	64,000	3	192,000	192,000		
83	Đinh Thị Suối	Tà Com	3	64,000	3	192,000	192,000		
84	Đinh A Xoan	Tà Com	2	64,000	3	192,000	192,000		
85	Đinh Thị Vã	Tà Com	5	64,000	3	192,000	192,000		
86	Lê Thị Công	Tà Com	2	64,000	3	192,000	192,000		
87	Đinh Thị Hải	Tà Bi	5	64,000	3	192,000	192,000		
88	Đinh Thị Trăm	Tà Bi	3	64,000	3	192,000	192,000		
89	Đinh Thị Trắng	Tà Bi	1	64,000	3	192,000	192,000		
90	Đinh Thị Vét	Tà Bi	2	64,000	3	192,000	192,000		
91	Đinh Thị Hẹp	Tà Bi	1	64,000	3	192,000	192,000		
92	Đinh Thị Bĩa	Tà Bi	1	64,000	3	192,000	192,000		
93	Đinh Thị Nờ	Tà Bi	5	64,000	3	192,000	192,000		
94	Đinh Thị Nay	Tà Bi	1	64,000	3	192,000	192,000		
95	Đinh Thị Nhét	Tà Bi	2	64,000	3	192,000	192,000		
96	Đinh Thị Hà Lễ	Tà Bi	1	64,000	3	192,000	192,000		
97	Đinh Văn Nhân	Tà Bi	6	64,000	3	192,000	192,000		
98	Đinh Tà Nha	Tà Bi	1	64,000	3	192,000	192,000		
99	Đinh Thị Vuôn	Tà Bi	2	64,000	3	192,000	192,000		
100	Đinh Thị Mèo	Làng Nà	2	64,000	3	192,000	192,000		
101	Đinh Văn Líp	Làng Nà	1	64,000	3	192,000	192,000		
102	Đinh Thị Đạo	Làng Nà	1	64,000	3	192,000	192,000		
103	Đinh Thị Pôn	Làng Nà	1	64,000	3	192,000	192,000		
104	Đinh Thị Ngôn	Làng Nà	2	64,000	3	192,000	192,000		
105	Đinh Thị Vói	Làng Nà	1	64,000	3	192,000	192,000		
106	Nguyễn Thị Đâu	Làng Nà	2	64,000	3	192,000	192,000		
107	Đinh Thị Rép	Làng Nà	1	64,000	3	192,000	192,000		
108	Đinh Thị Ngót	Làng Nà	1	64,000	3	192,000	192,000		
109	Đinh Thị Xây	Làng Nà	1	64,000	3	192,000	192,000		

STT	Họ và tên	Nơi ở	Số người/hộ	Mức hỗ (1.000đ/ tháng)	Số tháng hỗ trợ	Số tiền hỗ trợ (1.000 đồng)	Trong đó		Ghi chú
		(thôn, ấp, bản)					Kỳ này	Kỳ trước	
110	Đinh Thị Rét	Làng Nà	1	64,000	3	192,000	192,000		
111	Nguyễn Thị Cúc	Làng Nà	1	64,000	3	192,000	192,000		
112	Đinh Thị Mãi	Làng Nà	1	64,000	3	192,000	192,000		
113	Đinh Thị Thấu	Gia Ry	1	64,000	3	192,000	192,000		
114	Đinh Thị Đĩa	Gia Ry	1	64,000	3	192,000	192,000		
115	Đinh Trọng Phương	Gia Ry	3	64,000	3	192,000	192,000		
116	Đinh Thị Rả	Gia Ry	3	64,000	3	192,000	192,000		
117	Đinh Thị ĩa	Gia Ry	1	64,000	3	192,000	192,000		
118	Đinh Thị Ngót	Gia Ry	5	64,000	3	192,000	192,000		
119	Phạm Huy Du	Gia Ry	4	64,000	3	192,000	192,000		
120	Đinh Văn Rúa	Gia Ry	4	64,000	3	192,000	192,000		
121	Đinh Văn Nít	Gia Ry	7	64,000	3	192,000	192,000		
122	Đinh Thị Lan	Gia Ry	1	64,000	3	192,000	192,000		
123	Đinh Thị Ốp	Gia Ry	1	64,000	3	192,000	192,000		
124	Đinh Thị Tuyết	Gia Ry	4	64,000	3	192,000	192,000		
125	Đinh Văn Rạch	Gia Ry	1	64,000	3	192,000	192,000		
126	Đinh Trỗi	Gia Ry	2	64,000	3	192,000	192,000		
127	Cao Thanh Trinh	Gia Ry	4	64,000	3	192,000	192,000		
128	Đinh Thị Triều	Gia Ry	1	64,000	3	192,000	192,000		
129	Đinh Văn Éo	Gia Ry	5	64,000	3	192,000	192,000		
130	Trần Thị Huê (chết) thay Phan Thế Huy	Gia Ry	4	64,000	3	192,000	192,000		
131	Đinh Văn Số	Gò Rộc	3	64,000	3	192,000	192,000		
132	Đinh Thị Bùn	Gò Rộc	2	64,000	3	192,000	192,000		
133	Đinh Thị Tê	Gò Rộc	5	64,000	3	192,000	192,000		
134	Đinh Thị Rẻ	Gò Rộc	3	64,000	3	192,000	192,000		
135	Nguyễn Tấn Ích	Gò Rộc	3	64,000	3	192,000	192,000		
136	Đinh Văn Tom	Gò Rộc	3	64,000	3	192,000	192,000		
137	Đinh Văn Giáp	Gò Rộc	2	64,000	3	192,000	192,000		

STT	Họ và tên	Nơi ở	Số người/hộ	Mức hỗ (1.000đ/ tháng)	Số tháng hỗ trợ	Số tiền hỗ trợ (1.000 đồng)	Trong đó		Ghi chú
		(thôn, ấp, bản)					Kỳ này	Kỳ trước	
138	Đinh Thị Manh	Gò Rộc	5	64,000	3	192,000	192,000		
139	Đinh Văn Tú	Gò Rộc	4	64,000	3	192,000	192,000		
140	Đinh Văn Điềm	Gò Rộc	1	64,000	3	192,000	192,000		
141	Đinh Thị Nai	Gò Rộc	5	64,000	3	192,000	192,000		
142	Trần Thị Lép	Gò Rộc	1	64,000	3	192,000	192,000		
143	Đinh Cương	Gò Rộc	2	64,000	3	192,000	192,000		
144	Đinh Thị Hu	Gò Rộc	1	64,000	3	192,000	192,000		
145	Đinh Văn Đách	Gò Rộc	2	64,000	3	192,000	192,000		
146	Đinh Văn Do	Gò Rộc	2	64,000	3	192,000	192,000		
147	Đinh Thị Đèo	Gò Rộc	3	64,000	3	192,000	192,000		
148	Đinh Thị Bí	Gò Rộc	3	64,000	3	192,000	192,000		
149	Đinh Văn Giêng (Gi)	Gò Rộc	1	64,000	3	192,000	192,000		
150	Đinh Thị Kiên	Gò Rộc	1	64,000	3	192,000	192,000		
151	Đinh Ma Niều	Gò Rộc	2	64,000	3	192,000	192,000		
152	Đinh Thị Xà Rú	Gò Rộc	1	64,000	3	192,000	192,000		
153	Đinh Văn Tría	Gò Rộc	2	64,000	3	192,000	192,000		
154	Đinh Thị Lea	Gò Rộc	1	64,000	3	192,000	192,000		
155	Đinh Văn Địa	Gò Rộc	3	64,000	3	192,000	192,000		
156	Đinh Pa Reo	Gò Rộc	2	64,000	3	192,000	192,000		
157	Đinh Thị Bằng	Gò Rộc	1	64,000	3	192,000	192,000		
158	Đinh Văn Phê	Gò Rộc	2	64,000	3	192,000	192,000		
	Tổng cộng					30,336,000	30,336,000		

(Bằng chữ: Ba mươi triệu, ba trăm ba mươi sáu ngàn đồng)

STT	Họ và tên	Nơi ở	Số người/hộ	Mức hỗ (1.000đ/tháng)	Số tháng hỗ trợ	Số tiền hỗ trợ (1.000 đồng)	Trong đó		Ghi chú
		(thôn, ấp, bản)					Kỳ này	Kỳ trước	

46	Đinh Văn Bảy	Giá Gối	8	64,000	3	192,000	192,000		
47	Đinh Thị Pà Lầy	Giá Gối	1	64,000	3	192,000	192,000		
48	Đinh Thị Ngã	Giá Gối	2	64,000	3	192,000	192,000		
49	Đinh Văn Cưa	Giá Gối	6	64,000	3	192,000	192,000		
50	Đinh Văn Hoàng	Giá Gối	3	64,000	3	192,000	192,000		
51	Đinh Văn Hoát	Giá Gối	4	64,000	3	192,000	192,000		
52	Đinh Văn Dên	Giá Gối	3	64,000	3	192,000	192,000		
53	Đinh Hà Bông	Giá Gối	4	64,000	3	192,000	192,000		
54	Đinh Thị Dề	Giá Gối	1	64,000	3	192,000	192,000		